

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH GDTC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG

ThS. Bùi Đăng Toàn, ThS. Dương Quang Trường

Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Email: buidangtoan2410@gmail.com

Tóm tắt: Thông qua việc điều tra, đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng khả năng thích ứng của sinh viên, từ đó đưa ra những cơ sở nguyên tắc về lý luận, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao mức độ thích ứng ban đầu đối với nghề nghiệp tại trường Đại học TDTT Đà Nẵng qua đó phát triển các kỹ năng, kinh nghiệm trong học tập cũng như đời sống... góp phần nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Từ khóa: Thực trạng; yếu tố ảnh hưởng; khả năng thích ứng; Sinh viên.

Abstract: Through the investigation and assessment of the current situation and factors affecting the adaptability of students, thereby providing the theoretical basis, thereby proposing solutions to improve the initial adaptability. career at Danang University of Sports and Sports, thereby developing skills and experiences in learning as well as in life, etc., contributing to improving the learning quality for students and meeting the requirements of employers.

Keywords: Reality; Factors affecting; adaptability; student.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển và hội nhập quốc tế nhanh chóng của Việt Nam trong hơn ba thập niên qua đã tạo ra một môi trường công việc và thị trường việc làm năng động, có tính cạnh tranh cao. Môi trường việc làm này đòi hỏi người lao động phải có khả năng linh hoạt tốt, khả năng tự chủ, tự kiểm soát bản thân và quan tâm những vấn đề chung thuộc văn hoá doanh nghiệp. Savickas định nghĩa khả năng thích ứng nghề nghiệp là một cấu trúc tâm lý xã hội biểu thị năng lực của một cá nhân để ứng phó với công việc hiện tại, phát triển công việc trong tương lai, chuyển đổi nghề nghiệp, và giải quyết các bế tắc trong công việc.

Sự thích ứng có vai trò hết sức to lớn đối với cuộc sống của mỗi cá nhân. Trong công việc, nếu cá nhân đã thích ứng thì hiệu quả lao động sẽ cao hơn, tốn ít sức lực, không bị căng thẳng, mệt mỏi, khả năng phục hồi lao động nhanh hơn. Ngoài ra, sự thích ứng còn giúp cho con người sáng tạo trong công việc, lạc quan, vui vẻ, thoải mái, không có sự gò ép...

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng là đại học chuyên về lĩnh vực thể dục thể thao lớn nhất miền trung, trường đào tạo các hệ: thạc sĩ, đại học và các hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, từ cao đẳng lên đại học..., ngoài ra trường còn triển khai các chương trình du học nước ngoài.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy nhận thức về khả năng thích ứng nghề nghiệp (TUNN) của sinh viên tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng chưa cao. Sinh viên mới chú ý đến việc học chuyên môn trên giảng đường, trong khi còn thiếu các kỹ năng bổ trợ cần thiết trong công việc tương lai, chưa quan tâm đúng mức đến những nhân tố phát triển khả năng thích ứng nghề nghiệp ban đầu. Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Giải pháp nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTC tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng”.

Để giải quyết các nhiệm vụ nêu trên trong

Bảng 1. Kết quả nhận thức của SV GDTC về khái niệm khả năng TUNN trong TTSP (n=157)

TT	Nội dung	SL	%
1	Sự thích nghi của bản thân với những điều kiện, những yêu cầu khác nhau của đợt TTSP để thực hiện tốt chương trình TTSP.	5	3,2
2	Việc cá nhân tích cực vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào quá trình rèn luyện trong đợt TTSP, thay đổi bản thân phù hợp với môi trường TTSP, nhằm đáp ứng được những yêu cầu của hoạt động rèn luyện nghề nghiệp, trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau của đợt TTSP.	31	19,74
3	Việc cá nhân tích cực tìm hiểu về hoạt động TTSP, chủ động hòa nhập với các điều kiện hoạt động và nội dung TTSP, tự giác rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng lòng yêu nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của nghề trong quá trình TTSP.	115	73,24
4	Quá trình cá nhân rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp để có khả năng hoạt động nghề nghiệp hiệu quả trong đợt TTSP.	6	3,82
	Tổng	157	100

Từ kết quả thu được ở bảng 1 ta thấy đáp án 3 có 73,24% chiếm hơn 2/3 số lượng nghiên cứu. Cụ thể trên tổng số 157 SV 2 khóa được nghiên cứu có đến 115 SV chọn đáp án 3 (đáp án đúng). Điều này cho thấy gần 3/4 SV có nhận thức đúng và đầy đủ về khái niệm khả năng TUNN trong TTSP. Khẳng định ngoài việc học tập tại nhà trường, SV bắt đầu quan tâm đến hoạt động TTSP.

quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn tọa đàm; quan sát sư phạm; điều tra xã hội học; phân tích SWOT; toán thống kê

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nhận thức của SV Khoa GDTC về khái niệm khả năng TUNN trong TTSP

Đề tài tiến hành nghiên cứu trên 70 sinh viên ngành GDTC khóa Đại học 13 và 87 sinh viên ngành GDTC khóa Đại học 14 trường Đại học TDTT Đà Nẵng để đánh giá nhận thức về khái niệm khả năng TUNN trong TTSP, kết quả trình bày ở bảng 1.

2. Nhận thức của SV ngành GDTC về tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP

Đề tài tiếp tục khảo sát về nhận thức của sinh viên ngành GDTC về tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP thông qua phiếu hỏi trên mẫu google form. Kết quả được trình bày tại bảng 2;

Bảng 2. Kết quả nhận thức của SV khoa GDTC về tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP

TT	Mức độ Nội dung	Rất quan trọng		Quan trọng		Bình thường		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tâm thế nghề nghiệp	54	34,4	54	34,4	46	29,3	3	1,9	0	0
2	Thích ứng với nội dung TTSP	31	19,7	71	45,2	46	29,3	9	5,7	0	0
3	Thích ứng với các điều kiện, phương tiện TTSP	7	4,5	47	29,9	69	43,9	30	19,1	4	2,6
4	Thích ứng với các mối quan hệ trong TTSP	15	9,6	67	42,7	54	34,4	16	10,2	5	3,2
5	Tổng	107	17,1	239	38,1	215	34,2	58	9,3	9	1,45

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: SV GDTC có nhận thức về tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP đạt ở mức cao. Cụ thể có đến 55,2% SV cho rằng khả năng TUNN trong TTSP là rất quan trọng và quan trọng (17,1% ý kiến cho rằng “rất quan trọng” và 38,1% ý kiến cho rằng “quan trọng”), chỉ có 9,3% ý kiến cho rằng khả năng TUNN trong TTSP là “ít quan trọng” và “không quan trọng”. Dù con số 9,3% là không quá cao những đây cũng là con số cho thấy một bộ phận SV vẫn chưa nhận thức được

tầm quan trọng của khả năng TUNN, một số sinh viên khác tỏ thái độ “bình thường” (chiếm 34,2%) với hoạt động này.

3. Nhận thức của SV khoa GDTC về các đặc điểm của khả năng TUNN trong TTSP

Tiếp theo đề tài nghiên cứu nhận thức của SV khoa GDTC về các đặc điểm của khả năng TUNN trong TTSP thông qua phiếu khảo sát các sinh viên khoa GDTC. Kết quả được trình bày tại bảng 3;

Bảng 3. Kết quả nhận thức của SV về các đặc điểm của khả năng TUNN trong TTSP

TT	Mức độ Nội dung	Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Sự ổn định về tâm lý cá nhân để thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong quá trình TTSP	45	28,7	111	70,7	1	0,6
2	Sự điều chỉnh bản thân để đối mặt với những áp lực nảy sinh trong quá trình TTSP	59	37,8	96	61,1	2	1,2
3	Sự làm chủ về nội dung thực tập giảng dạy trong hoạt động TTSP.	79	50,3	78	49,7	0	0

4	Sự triển khai nhanh chóng nội dung thực tập giảng dạy trong hoạt động TTSP	33	21	120	76,3	4	2,5
5	Sự nỗ lực rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình TTSP.	96	61,1	61	38,9	0	0
6	Sự vận dụng những tri thức và kinh nghiệm của bản thân để thực hiện hoạt động nghề nghiệp có hiệu quả trong quá trình TTSP.	95	60,5	62	39,5	0	0
7	Sự điều chỉnh bản thân để đáp ứng tốt các yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình TTSP	84	53,5	72	45,9	1	0,6
8	Sự nắm bắt kịp thời những yêu cầu của GVHD trong quá trình TTSP	92	58,6	61	38,9	4	2,5
9	Sự giải quyết nhanh chóng và có hiệu quả những mâu thuẫn nảy sinh trong các mối quan hệ tại cơ sở TTSP	51	32,5	101	64,3	5	3,2
	Tổng	634	44,9	762	53,9	17	1,2

Kết quả khảo sát sinh viên ngành GDTC cho thấy, SV nhận thức phần lớn đúng và đầy đủ ở những đặc điểm có liên quan đến hai biểu hiện “tâm thế nghề nghiệp” và “thích ứng với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”.

Ở cả 4 đặc điểm nhận thức trên, các sinh viên được phỏng vấn đều có tỷ lệ đồng ý dao động từ 53,5% đến 61,1% tỷ lệ tương đối cao, cho thấy SV đã nhận thức khá đúng và đầy đủ các đặc điểm của khả năng TUNN.

4. Đánh giá chung nhận thức của SV về khả năng TUNN trong TTSP

Để khẳng định nhận thức của sinh viên về khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTC tại trường Đại học TDTT Đà Nẵng đề tài tiến hành khảo sát sinh viên về tầm quan trọng của khả năng TUNN ban đầu trong TTSP kết quả được trình bày ở bảng 4;

Bảng 4. Đánh giá chung nhận thức của SV về khả năng TUNN trong TTSP

Tổng số sinh viên	Nhận thức của sinh viên									
	Rất cao		Cao		Bình thường		Thấp		Rất thấp	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
157	3	1,9	99	63,1	51	32,5	4	2,5	0	0

Qua bảng 4 cho thấy, 63,1% số SV ngành GDTC có nhận thức đạt mức cao (chiếm 63,1%) Đây là những SV đã hiểu được thế nào là khả năng TUNN trong TTSP, hiểu được tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP; hiểu được các đặc điểm và biểu hiện của khả năng TUNN trong TTSP.

5. Những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV

Để tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên đề tài đã khảo sát sinh viên khoa GDTC về yếu tố ảnh hưởng cho thấy có nhiều tác động đến khả năng TUNN của sinh viên, kết quả được trình bày tại bảng 5;

Bảng 5. Kết quả các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng TUNN của SV khoa GDTC tại trường Đại học TDTT Đà Nẵng

TT	Tên yếu tố	ĐTB	ĐLC	XH
BẢN THÂN SINH VIÊN (ĐTB = 4.03)				
1	Các yếu tố về mặt thể chất (sức khỏe, chiều cao, cân nặng...)	3,75	1,021	21
2	Những kỹ năng sẵn có của bản thân (giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề,...).	4,01	0,898	8
3	Tính tích cực, tự giác, sáng tạo và ý chí rèn luyện nghề nghiệp.	4,21	0,754	1
4	Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp.	4,13	0,833	3
NHÀ TRƯỜNG, KHOA (ĐTB = 3.87)				
5	Các buổi họp chuẩn bị cho đợt TTSP.	3,68	0,894	22
6	Nội dung chương trình, hình thức hướng dẫn TTSP.	3,80	0,937	20
7	Mức độ quan tâm đối với sinh viên trong quá trình TTSP tại cơ sở.	3,92	0,864	14
8	Môi trường, điều kiện phương tiện học tập ở nhà trường.	3,92	0,864	14
9	Các hoạt động kiến tập, thực tế.	3,94	0,888	12
10	Thời lượng thực hành môn rèn luyện NVSP.	3,81	0,881	19
11	Nội dung bám sát thực tiễn TTSP.	3,88	0,843	17
12	Phong trào thi NVSP.	3,68	0,924	22
13	Chất lượng (mẫu mực, tinh thần cầu tiến, ham học hỏi,...) của GV.	4,00	0,902	9
14	Phương pháp giảng dạy của GV.	4,11	0,780	4
CƠ SỞ THỰC TẬP SƯ PHẠM (ĐTB = 3.99)				
15	Môi trường TTSP.	3,99	0,902	11
16	Điều kiện, phương tiện TTSP.	3,94	0,832	12
17	Nội quy, quy định.	3,90	0,866	16
18	Phương pháp của GVHD.	4,05	0,889	5
19	Thái độ của GVHD.	4,04	0,931	6
20	Phong cách làm việc của GVHD.	4,00	0,894	9
CÁC YẾU TỐ KHÁC (ĐTB = 4.00)				
21	Sự giúp đỡ, động viên của bạn bè, người thân.	4,02	0,898	7
22	Sự hỗ trợ của học sinh trong quá trình TTSP.	4,17	0,708	2
23	Các phương tiện thông tin đại chúng (sách báo, truyền hình, phim ảnh,...).	3,82	0,711	18

Qua bảng 5 nhận thấy nhóm yếu tố thuộc về “bản thân sinh viên” là nhóm yếu tố có ảnh hưởng nhiều hơn tới khả năng TUNN trong TTSP so với các yếu tố khác (ĐTB = 4,03).

Như vậy, để có được khả năng TUNN trong quá trình TTSP, bản thân sinh viên cần tích cực, tự giác, rèn luyện nghề nghiệp thật tốt.

6. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV

Để có cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp ban đầu của sinh viên khoa GDTC tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng. Đề tài tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên, tham vấn ý kiến của giảng

viên, giáo viên hướng dẫn về các nguyên nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV khoa GDTC tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng. Kết quả được trình bày ở bảng 6;

Bảng 6. Đánh giá về những nguyên nhân dẫn đến SV chưa thực sự thích ứng với hoạt động nghề nghiệp trong quá trình TTSP

TT	NGUYÊN NHÂN CHỦ QUAN	Tỉ lệ (%)		
		SVSP	GVHD	GV
1	Sinh viên không nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa của khả năng TUNN trong TTSP.	39,7	56,7	52,8
2	Sinh viên không có biện pháp cụ thể để hình thành và rèn luyện khả năng TUNN.	46,6	43,3	33,3
3	Sinh viên chưa làm quen với các hoạt động thực hành.	59,6	66,7	41,7
4	Sinh viên không dành nhiều thời gian cho việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.	68,5	80,0	86,1
5	Nguyên nhân khác.	0,7	0	0
NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN				
1	Nhà trường chưa có biện pháp giáo dục khả năng TUNN cho sinh viên một cách cụ thể.	28,8	36,7	36,1
2	Mối liên hệ giữa nhà trường sư phạm và cơ sở thực tập chưa thường xuyên.	18,5	46,7	41,7
3	Thời gian dành cho quá trình kiến tập và TTSP tại cơ sở quá ít.	54,1	60,0	80,6
4	Nội dung học tập ở nhà trường sư phạm ít chú trọng thực hành mà nặng về lý thuyết.	61,0	76,7	91,7
5	Nhà trường chưa có kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho sinh viên.	50,7	70,0	72,2
6	Nguyên nhân khác.	2,7	0	0

Thông qua bảng thống kê 6 cho thấy có sự tương đồng trong việc đánh giá nguyên nhân SV chưa thực sự thích ứng với hoạt động nghề nghiệp trong TTSP. Về phía nguyên nhân chủ quan, cả SV, GVHD và GV đều cho rằng nguyên nhân lớn nhất khiến SV chưa thực sự thích ứng với hoạt động nghề nghiệp là do “Sinh viên không dành nhiều thời gian cho việc rèn luyện các kỹ năng

nghề nghiệp”, tiếp đến là nguyên nhân “Sinh viên chưa làm quen với các hoạt động thực hành”. TTSP là khoảng thời gian sinh viên được thực hành nghề, biến những điều đã học thành thực tế, do vậy đòi hỏi sinh viên phải có khả năng thực hành tốt, trong đó những kỹ năng nghề nghiệp được chú trọng hơn cả. Do vậy những đánh giá trên đây của SV, GVHD và GV là hoàn toàn có cơ sở.

KẾT LUẬN

Qua kết quả đánh giá thực trạng và yếu tố những yếu tố tác động và nguyên nhân ảnh hưởng tới khả năng TUNN của sinh viên tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng cho thấy: Khả năng TUNN ban đầu của sinh viên còn ở mức trung bình. Vì vậy để nhằm nâng cao

khả năng TUNN, phù hợp với nghề nghiệp cho sinh viên tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng không thể đưa ra những giải pháp một cách tràn lan mà cần dựa vào điều kiện thực tế, đồng thời phải tuân thủ một số nguyên tắc và cơ sở cụ thể để đề xuất giải pháp cần thiết nhất, phù hợp nhất để khai thác mọi thế mạnh và khắc phục những mặt còn tồn tại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Hoa (2006), “*Đánh giá mức độ thích ứng nghề nghiệp của sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Sơn La*”, Luận văn Thạc sỹ QLGD, Hà Nội.
- [2]. Nghiêm Thị Dương (2006) “*Nghiên cứu xu hướng nghề sư phạm của sinh viên CĐSP nhà trẻ mẫu giáo*”, Luận án Tiến sỹ Tâm lý học, Hà Nội.
- [3]. Phạm Văn (2012), “*Cơ hội cao hơn cho sinh viên mới tốt nghiệp*”, Báo điện tử sinh viên Việt Nam.
- [4]. Hoài Nam (2012), “*Sinh viên Việt Nam cần cù, có hoài bão những yếu kỹ năng*”, Báo điện tử dân trí.
- [5]. Trần Chí Vĩnh Long (2012), *Sự thích ứng ban đầu đối với nghề nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tài chính - Marketing*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học, ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh.

Bài nộp ngày 15/9/2023, phản biện ngày 23/11/2023, duyệt đăng ngày 15/12/2023